TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2024/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 14 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 39/2024/VDS-HNGĐ ngày 23/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Trung U, sinh năm 1979. NĐKHKTT: Tiểu khu 1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1979. NĐKHKTT: Tiểu khu 1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trung U và chị Đỗ Thị H kết hôn với nhau từ năm 2001 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh H (Nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 29/03/2001. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến năm 2023 anh chị đã sống ly thân. Tại phiên hòa giải, anh U, chị H xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh U, chị H có 03 con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 29/11/2001, cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/01/2012 và cháu

Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2017. Hiện nay cháu Nguyễn Thế V đã trưởng thành và có khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai cháu Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Trung H, anh chị thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Trung H cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh U có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đỗ Thị H cho các cháu Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Trung H mỗi tháng là 750.000đ/01 cháu, 02 cháu là 1.500.000đ cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2024

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận thanh toán, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí tòa án: Anh U, chị H thống nhất mỗi người chịu 50% lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 06 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung U và chị Đỗ Thị H.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thế V, sinh ngày 29/11/2001, cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/01/2012 và cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2017.

Cháu Nguyễn Thế V đã trưởng thành và có khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao các cháu Nguyễn Tuấn A, cháu Nguyễn Trung H cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ: Anh Nguyễn Trung U có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đỗ Thị H cho các cháu Nguyễn Tuấn

A, Nguyễn Trung H mỗi tháng là 750.000đ/01 cháu, 02 cháu là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2024

Anh Nguyễn Trung U được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận thanh toán, không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trung U chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001974 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Trung U số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Đỗ Thị H chịu lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã V, huyện C, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên